



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT**  
**Thông tin Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số**

18/GP-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2007
42/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 7 năm 2012
22/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 8 năm 2013
25/GPĐC-UBCK	ngày 16 tháng 8 năm 2013

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 25/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2013. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Ngô Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Shuzo Shikata	Thành viên
Ông Kento Tokimori	Thành viên (từ ngày 21/4/2017)
Ông Ha Hong Sik	Thành viên (đến ngày 21/4/2017)

**Ban Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/8/2017)
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Tổng Giám đốc (đến ngày 28/8/2017)

**Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Bích Ngọc	Trưởng Ban Kiểm Soát (từ ngày 21/4/2017)
Ông Đoàn Thanh Vịnh	Thành viên Ban Kiểm Soát
Ông Miyazaki Makoto	Thành viên Ban Kiểm Soát (từ ngày 26/10/2017)
Ông Tomohiro Yamaguchi	Thành viên Ban Kiểm Soát (đến ngày 21/4/2017)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 9, Tòa nhà TTC  
Lô B1A, Cụm tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ  
Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc,  
  
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-265/10



Wang Toan Kim

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu số B01-CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)				
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>5.838.969.328</b>	<b>27.721.575.868</b>
Tiền	111		1.338.969.328	2.605.464.757
Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	25.116.111.111
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5(a)</b>	<b>108.393.462.496</b>	<b>76.605.334.718</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		126.747.362.496	97.470.834.718
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.353.900.000)	(20.865.500.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.681.411.800</b>	<b>1.136.811.947</b>
Phải thu khách hàng	131		400.000.000	400.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	1.282.848.656	1.210.349.191
Các khoản phải thu khác	135	7	2.359.218.166	887.117.778
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.360.655.022)	(1.360.655.022)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.015.953.993</b>	<b>1.032.247.068</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		153.057.673	170.227.267
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8(b)	852.896.320	851.669.801
Tài sản ngắn hạn khác	158		10.000.000	10.350.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250 + 260)				
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		103.208.600	103.208.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(103.208.600)	(103.208.600)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.837.488.873</b>
Đầu tư vào công ty con	251		50.000.000.000	50.837.488.873
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>129.391.360</b>	<b>166.246.362</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		13.300.000	50.155.002
Tài sản dài hạn khác	268		116.091.360	116.091.360
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>168.059.188.977</b>	<b>157.499.704.836</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu số B01-CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC**ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>2.558.094.299</b>	<b>856.726.453</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.558.094.299</b>	<b>856.726.453</b>
Phải trả người bán	312		-	3.599.741
Người mua trả tiền trước	313		1.333.333.333	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8(a)	39.882.060	63.222.502
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9	546.904.965	320.023.226
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10	454.727.366	286.130.985
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		183.246.575	183.749.999
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>165.501.094.678</b>	<b>156.642.978.383</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11	110.000.000.000	110.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.110.000	15.110.000
Cổ phiếu quỹ	414	11	(639.210.000)	(639.210.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.026.066.038	558.967.200
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		1.026.066.038	558.967.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		54.073.062.602	46.149.143.983
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>168.059.188.977</b>	<b>157.499.704.836</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B01-CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
<b>Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ</b>	<b>006</b>		<b>7.475.000.000</b>	<b>7.475.000.000</b>
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	<i>007</i>		<i>7.475.000.000</i>	<i>7.475.000.000</i>
<b>Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ</b>	<b>020</b>		<b>1.220.750.000</b>	<b>1.220.750.000</b>
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>030</b>	<b>18</b>	<b>699.043.626</b>	<b>842.610.072</b>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	<i>031</i>		<i>699.043.626</i>	<i>842.610.072</i>
<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>040</b>	<b>18</b>	<b>133.293.234.551</b>	<b>218.532.428.881</b>
<i>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	<i>041</i>		<i>133.293.234.551</i>	<i>218.532.428.881</i>
<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>050</b>	<b>18</b>	<b>58.123.322.387</b>	<b>58.026.107.576</b>
<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>051</b>	<b>18</b>	<b>3.839.182.341</b>	<b>1.071.722.661</b>

Người lập:

Bà Vũ Hoài Anh  
Trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này

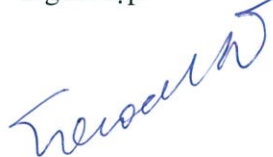


**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu số B02-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu	01	12	2.133.973.979	7.440.977.273
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b> <b>(10 = 01)</b>	<b>10</b>		<b>2.133.973.979</b>	<b>7.440.977.273</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	13	2.714.101.155	3.068.918.629
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b> <b>(20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(580.127.176)</b>	<b>4.372.058.644</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	10.506.327.944	5.072.436.282
Chi phí tài chính	22	15	(2.507.536.600)	16.927.756.840
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	3.090.086.243	3.536.766.442
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - 25}</b>	<b>30</b>		<b>9.343.651.125</b>	<b>(11.020.028.356)</b>
Thu nhập khác	31		7.627.365	7.317.810
Chi phí khác	32		9.301.731	-
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.674.366)</b>	<b>7.317.810</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>9.341.976.759</b>	<b>(11.012.710.546)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	17	-	24.000.000
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>9.341.976.759</b>	<b>(11.036.710.546)</b>

Người lập:



Bà Vũ Hoài Anh  
 Trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt  
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

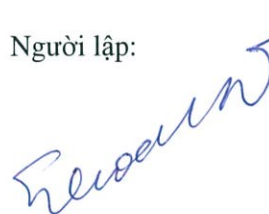
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu số B03-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>9.341.976.759</b>	<b>(11.012.710.546)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Các khoản dự phòng	03	(2.511.600.000)	16.893.500.000
Lãi thuần từ hoạt động đầu tư	05	(10.506.327.944)	(5.072.436.282)
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(3.675.951.185)</b>	<b>808.353.172</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(73.725.984)	917.261.183
Biến động các khoản phải trả	11	1.217.507.382	(123.885.507)
Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	54.374.596	35.770.895
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.477.795.191)</b>	<b>1.637.499.743</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	23	(88.000.000.000)	-
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	24	58.723.472.222	16.397.179.793
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	837.488.873	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.034.227.556	4.860.342.446
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(19.404.811.349)</b>	<b>21.257.522.239</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)</b>	<b>50</b>	<b>(21.882.606.540)</b>	<b>22.895.021.982</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>27.721.575.868</b>	<b>4.826.553.886</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>5.838.969.328</b>	<b>27.721.575.868</b>

Người lập:



Bà Vũ Hoài Anh  
 Trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt  
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**

**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

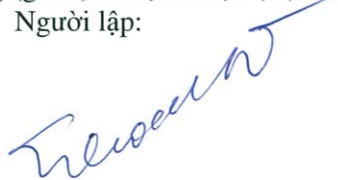
**Mẫu số B05-CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	2016	2017	Tăng VND	2016 (Giảm) VND	2017 Tăng VND	(Giảm) VND	2016	2017
	VND	VND					VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	110.000.000.000	110.000.000.000	-	-	-	-	110.000.000.000	110.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	15.110.000	15.110.000	-	-	-	-	15.110.000	15.110.000
Cổ phiếu quỹ	(639.210.000)	(639.210.000)	-	-	-	-	(639.210.000)	(639.210.000)
Quỹ dự phòng tài chính	558.967.200	558.967.200	-	-	467.098.838	-	558.967.200	1.026.066.038
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	558.967.200	558.967.200	-	-	467.098.838	-	558.967.200	1.026.066.038
Lợi nhuận chưa phân phối (*)	57.486.338.959	46.149.143.983	-	(11.337.194.976)	9.341.976.759	(1.418.058.140)	46.149.143.983	54.073.062.602
	<b>167.980.173.359</b>	<b>156.642.978.383</b>	-	<b>(11.337.194.976)</b>	<b>10.276.174.435</b>	<b>(1.418.058.140)</b>	<b>156.642.978.383</b>	<b>165.501.094.678</b>

(\*) Số tăng/(giảm) trong năm bao gồm số tăng/(giảm) do lợi nhuận/(lỗ) trong năm và số trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 10).

Người lập:



Bà Vũ Hoài Anh  
Trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu số B09-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 18/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007, sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 12 nhân viên (31/12/2016: 15 nhân viên), trong đó 10 người đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, cụ thể như sau:

Tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp
Bà Vũ Hoài Anh	000796/QLQ	14/11/2011
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	000795/QLQ	14/11/2011
Ông Ngô Thanh Hải	001031/QLQ	13/11/2013
Bà Đoàn Thị Vân Anh	000793/QLQ	14/11/2011
Bà Nguyễn Thục Anh	000959/QLQ	7/6/2013
Bà Phạm Bích Ngọc	001243/QLQ	7/4/2015
Bà Lã Thị Xuân Anh	001384/QLQ	29/2/2016
Ông Nguyễn Huy Hoàng	001381/QLQ	16/2/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	001540/QLQ	6/3/2017
Bà Nguyễn Tố Uyên	001582/QLQ	29/6/2017

Các hoạt động chính của Công ty là tiến hành các hoạt động đầu tư tại Việt Nam, quản lý các khoản ủy thác đầu tư và danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác và thực hiện các hoạt động tư vấn đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con sau:

	Quốc gia thành lập	31/12/2017		31/12/2016	
		Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
Công ty TNHH Đầu tư FC	Việt Nam	-	-	837.488.873	100%
Công ty TNHH Đầu tư FF	Việt Nam	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

(\*) Theo Thông báo số 14875/TB-CCT-KK ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thuế quận Cầu Giấy, Công ty TNHH Đầu tư FC đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế từ ngày 17 tháng 5 năm 2017. Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Công ty TNHH Đầu tư FC đã thực hiện đóng tài khoản, chuyển vốn góp và lợi nhuận về Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng và có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Các khoản đầu tư chứng khoán**

*Ghi nhận*

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

*Đo lường*

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường có giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá hạch toán trên sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán, giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá gốc của chứng khoán.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán trong trường hợp Công ty không thể xác định giá thực tế của chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Giá gốc chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các chứng khoán đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(d) Chi phí trả trước**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm.

**(e) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(f) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(g) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(h) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Thông tư 146, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**(i) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Tài sản tài chính được Ban lãnh đạo phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban lãnh đạo phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(j) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(k) Doanh thu**

**(i) Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư**

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư bao gồm phí quản lý được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được một cách đáng tin cậy.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(m) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ trực tiếp, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ này.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng	1.338.969.328	2.605.464.757
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	25.116.111.111
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5.838.969.328	27.721.575.868

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất 5,0% - 5,5%/năm.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### (a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	99.276.527.778	70.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh (i)	27.470.834.718	27.470.834.718
- Cổ phiếu niêm yết	25.500.000.000	25.500.000.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.970.834.718	1.970.834.718
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	126.747.362.496 (18.353.900.000)	97.470.834.718 (20.865.500.000)
	108.393.462.496	76.605.334.718

(i) Chi tiết các chứng khoán ngắn hạn được nắm giữ bởi Công ty tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	747.500	25.500.000.000	747.500	25.500.000.000
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành	122.075	1.970.834.718	122.075	1.970.834.718
	869.575	27.470.834.718	869.575	27.470.834.718

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Trong đó cổ phiếu bị giảm giá:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	747.500	25.500.000.000	747.500	25.500.000.000

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	20.865.500.000	3.972.000.000
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 15)	(2.511.600.000)	16.893.500.000
Số dư cuối năm	18.353.900.000	20.865.500.000

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn được nắm giữ bởi Công ty như sau:

	Quốc gia thành lập	31/12/2017		31/12/2016	
		Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty TNHH					
Đầu tư FC	Việt Nam	-	-	837.488.873	100%
Công ty TNHH					
Đầu tư FF	Việt Nam	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%
		<u>50.000.000.000</u>		<u>50.837.488.873</u>	

## 6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (*)	1.282.848.656	1.210.349.191

(\*) Bao gồm khoản phải thu công ty mẹ với số tiền là 960.655.022 VND đã quá hạn trên 5 năm và Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ (31/12/2016: 960.655.022 VND).

## 7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Lãi dự thu	2.352.043.166	879.942.778
Các khoản phải thu khác	7.175.000	7.175.000
	<u>2.359.218.166</u>	<u>887.117.778</u>

## 8. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

### (a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	39.882.060	63.222.502

### (b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.573.504	346.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	851.322.816	851.322.816
	<u>852.896.320</u>	<u>851.669.801</u>

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Biến động thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	1/1/2017 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(851.322.816)	-	-	(851.322.816)
Thuế thu nhập cá nhân	62.875.517	254.063.715	(278.630.676)	38.308.556
	(788.447.299)	254.063.715	(278.630.676)	(813.014.260)

**9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Kinh phí công đoàn	114.760.486	91.830.315
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	-
Phải trả phí kiểm toán	99.000.000	82.500.000
Các khoản phải trả khác	233.144.479	145.692.911
	546.904.965	320.023.226

**10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên theo quy chế tài chính của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	286.130.985	320.996.796
Trích lập trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	483.860.464	300.484.430
Sử dụng trong năm	(315.264.083)	(335.350.241)
Số dư cuối năm	454.727.366	286.130.985

## 11. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>	11.000.000	110.000.000.000	11.000.000	110.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(55.000)	(639.210.000)	(55.000)	(639.210.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	10.945.000	109.360.790.000	10.945.000	109.360.790.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền đều bị tạm dừng cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

## 12. Doanh thu

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	-	1.731.506.849
Doanh thu từ phí thường hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	-	333.900.000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	2.133.973.979	2.096.711.115
Doanh thu từ phí thường hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	3.278.859.309
	<b>2.133.973.979</b>	<b>7.440.977.273</b>

## 13. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	-	1.388.074.993
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	2.714.101.155	1.680.843.636
	<b>2.714.101.155</b>	<b>3.068.918.629</b>



#### 14. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	6.010.310.157	5.072.436.282
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.496.017.787	-
	<u>10.506.327.944</u>	<u>5.072.436.282</u>

#### 15. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5a(ii))	(2.511.600.000)	16.893.500.000
Phí môi giới	-	26.950.000
Chi phí khác	4.063.400	7.306.840
	<u>(2.507.536.600)</u>	<u>16.927.756.840</u>

#### 16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	1.525.424.347	1.624.608.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.489.464.146	1.767.158.339
Chi phí khác	75.197.750	145.000.000
	<u>3.090.086.243</u>	<u>3.536.766.442</u>

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2017 VND	2016 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b> Năm báo cáo hiện tại	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b> Phát sinh các chênh lệch tạm thời	-	24.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.000.000
	<u>-</u>	<u>24.000.000</u>

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	9.341.976.759	(11.012.710.546)
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.868.395.352	(2.202.542.109)
Thu nhập không bị tính thuế	(899.203.557)	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(969.191.795)	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	-	2.226.542.109
	-	24.000.000

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bởi vì Công ty không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	6.166.751.574	1.233.350.315	11.012.710.546	2.202.542.109

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	2017	2016
		VND	VND
2021	Chưa quyết toán	6.166.751.574	11.012.710.546

**(d) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế (2016: 20%).

## **18. Báo cáo về hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán của 8 nhà đầu tư ủy thác (31/12/2016: 7 nhà đầu tư ủy thác). Theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, nhà đầu tư ủy thác cam kết chấp nhận rủi ro đối với vốn ủy thác và chấp nhận rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

Báo cáo tài sản và công nợ của các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ghi ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

**(i) Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	842.610.072	610.353.354
Số (giảm)/tăng trong năm – số thuần	(143.566.446)	232.256.718
Số dư cuối năm	699.043.626	842.610.072

Chi tiết theo từng nhà đầu tư ủy thác:

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần FPT	26.208.369	26.128.783
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	194.008.102	187.337.718
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	1.155.590	351.697
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	173.805.095	245.785.235
Nguyễn Mạnh Hào	2.133.496	571.749
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	1.491.098	1.370.224
Công ty TNHH Đầu tư FPT	181.009.603	292.137.950
Đỗ Vũ Đạt	80.351.471	51.183.604
Công Ty TNHH Thành Linh	-	37.743.112
Nguyễn Thị Trà Vinh	38.880.802	-
	699.043.626	842.610.072

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
- Cổ phiếu niêm yết	58.925.734.551	58.925.734.551
- Cổ phiếu không niêm yết	64.035.000.000	153.606.694.330
- Trái phiếu	1.532.500.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	2.800.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác	6.000.000.000	6.000.000.000
	<b>133.293.234.551</b>	<b>218.532.428.881</b>

**(iii) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
- Đặt cọc mua Trái phiếu Chính phủ	57.841.664.666	57.841.664.666
- Phải thu phí lưu ký	692.950	692.911
- Trả trước phí quản lý	280.964.771	183.749.999
	<b>58.123.322.387</b>	<b>58.026.107.576</b>

**(iv) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
- Phải trả phí quản lý	1.000.655.023	1.000.655.023
- Phải trả phí giám sát	146.270.527	71.067.638
- Phải trả khác	2.692.256.791	-
	<b>3.839.182.341</b>	<b>1.071.722.661</b>

**19. Cam kết thuê hoạt động**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	501.446.400	501.446.400
Từ hai đến năm năm	151.826.827	653.273.227
	<b>653.273.227</b>	<b>1.154.719.627</b>

**20. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Viễn thông FPT</b> <i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Nhận ủy thác đầu tư	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu phí ủy thác	20.000.000	20.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT</b> <i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Nhận ủy thác đầu tư	1.850.000.000	1.850.000.000
Phải thu phí ủy thác	20.000.000	20.000.000
<b>Công ty TNHH Đầu tư FPT</b> <i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Nhận ủy thác đầu tư	84.366.083.776	173.937.778.106
Phải trả khác	87.451.529	-
	<hr/>	
	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Viễn thông FPT</b> <i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Doanh thu phí ủy thác	20.000.000	20.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT</b> <i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Doanh thu phí ủy thác	20.000.000	36.666.667
<b>Công ty TNHH Đầu tư FPT</b> <i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Doanh thu phí ủy thác	698.224.554	786.688.179
Doanh thu thưởng hoạt động	-	3.278.859.309
<b>Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>	2.143.457.595	2.358.724.614

## 21. Các chỉ tiêu đánh giá

	<b>Đơn vị tính</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	29,83%	32,38%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	70,17%	67,62%
<b>Các chỉ tiêu tài chính khác</b>			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	1,52%	0,54%
Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	44,66	121,77
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	46,10	124,31
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	2,28	32,36
		<b>2017</b>	<b>2016</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Lợi nhuận /(lỗ) sau thuế/Doanh thu thuần	%	437,77%	(148,32%)
Lợi nhuận /(lỗ) sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,64%	(7,05%)
Lợi nhuận /(lỗ) sau thuế/Tổng tài sản	%	5,56%	(7,01%)

## 22. Quản trị rủi ro tài chính

### (a) Quản lý rủi ro tài chính

#### (i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

#### (ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

*Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng*

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	5.838.969.328	27.721.575.868
Đầu tư tài chính ngắn hạn – Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	(i)	99.276.527.778	70.000.000.000
Phải thu khách hàng	(ii)	400.000.000	400.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(ii)	1.282.848.656	1.210.349.191
Các khoản phải thu khác	(ii)	2.359.218.166	887.117.778
Tài sản tài chính khác		126.091.360	126.441.360
		<b>109.283.655.288</b>	<b>100.345.484.197</b>

**(i) Tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm**

Tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Công ty cố gắng chọn lọc những khách hàng lịch sử tín dụng tốt và yêu cầu tài sản đảm bảo cần thiết. Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán cho khách hàng đó.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chưa quá hạn và chưa giảm giá	2.674.236.800	1.129.636.947
Quá hạn nhưng chưa giảm giá	7.175.000	7.175.000
Quá hạn và giảm giá		
- Quá hạn trên 365 ngày	1.360.655.022	1.360.655.022
	4.042.066.822	2.497.466.969

Các khoản phải thu nghiệp vụ và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh như sau:

<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Dưới 3 tháng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả khác	187.144.479	187.144.479	187.144.479	187.144.479
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Dưới 3 tháng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán	3.599.741	3.599.741	3.599.741	3.599.741
Phải trả khác	83.192.911	83.192.911	83.192.911	83.192.911
	86.792.652	86.792.652	86.792.652	86.792.652

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chưa hợp nhất của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND, đồng tiền hạch toán của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn	103.776.527.778	95.116.111.111
Tiền gửi không kỳ hạn	1.338.969.328	2.605.464.757

Do các công cụ tài chính có lãi suất cố định và được hạch toán theo nguyên giá nên sự thay đổi của lãi suất thị trường không có tác động tới lãi/lỗ của Công ty.

**(iii) Các rủi ro thị trường khác**

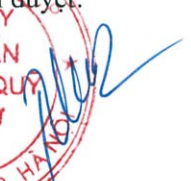
Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn do Công ty nắm giữ. Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 7,1 tỷ VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 7% tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng 400 triệu VND.

Người lập:

  
Bà Vũ Hoài Anh  
Trưởng phòng kế toán

Người duyệt:

  
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt  
Tổng Giám đốc



Ngày 21 tháng 3 năm 2018